

# THỰC TRẠNG NĂNG LỰC LÀM CÔNG TÁC THÔNG TIN KHOA HỌC CỦA CÁN BỘ VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC, HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HẢI THANH\*

Ngày nhận bài: 01/08/2016; ngày sửa chữa: 03/08/2016; ngày duyệt đăng: 03/08/2016.

**Abstract:** Capacity of Information staff in Scientific Information Institute plays an important role in the development of Ho Chi Minh National Academy of Politics. The study on capacity of staff working on information sector in the Scientific Information Institute shows that information staffs have been recognized in understanding the information needs and fields of users, attitude and communicative skills, but their abilities of using modern electronic information systems are still limited, especially selecting and evaluating information sources. Thereby, the article proposes recommendations to improve quality of information work in Ho Chi Minh National Academy of Politics.

**Keywords:** Scientific information, staff working on information sector.

Với lịch sử hơn 55 năm xây dựng và phát triển, Viện Thông tin khoa học (sau đây gọi tắt là Viện Thông tin) - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả nhất định, bước đầu đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đào tạo cán bộ (CB) trung, cao cấp của Đảng và của cả hệ thống chính trị; tuy nhiên cũng còn bộc lộ một số hạn chế. Vì vậy, cần có những nghiên cứu về vấn đề này, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp để tăng cường năng lực (NL) của CB làm công tác thông tin khoa học nói chung, CB Viện Thông tin. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước trong tình hình mới.

**1. Khái niệm, nội dung và phương pháp nghiên cứu thực trạng NL làm công tác thông tin khoa học của CB Viện Thông tin - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

**1.1. Khái niệm:** Theo Từ điển Tiếng Việt, NL là khả năng, điều kiện chủ quan, hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó; là phẩm chất tâm sinh lí và trình độ chuyên môn tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao [1; tr 816].

Tác giả Nguyễn Quang Uẩn cho rằng: “NL là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân, phù hợp với những yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó có kết quả” [2; tr 178].

Dựa vào những quan điểm trên và nhiệm vụ cơ bản của người làm công tác thông tin khoa học, theo chúng tôi trong tình hình hiện nay, “NL của CB làm

công tác thông tin khoa học được biểu hiện ở mặt nhận thức, thái độ, kĩ năng, khả năng sử dụng hệ thống thông tin điện tử hiện đại phù hợp với yêu cầu hoạt động thông tin khoa học, đảm bảo cho hoạt động thông tin khoa học đạt kết quả cao”.

**1.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu.**

Chúng tôi tập trung khảo sát, điều tra 94 CB, trong đó: 38 CB làm công tác thông tin của Viện Thông tin - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; 56 giảng viên (GV), CB nghiên cứu ở các viện chuyên ngành thuộc Học viện với phương pháp phát phiếu thăm dò về các nội dung cần điều tra; Thời gian điều tra. Tháng 5/2015.

**2. Thực trạng NL làm công tác thông tin khoa học của CB Viện Thông tin - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

Sau khi tiến hành điều tra, khảo sát, chúng tôi đã thu được kết quả như sau:

**2.1. NL nhận thức về công tác thông tin khoa học.** Với câu hỏi: “Thầy (cô), anh (chị) đánh giá (tự đánh giá) như thế nào về NL nhận thức công tác thông tin khoa học của CB Viện Thông tin - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh”, chúng tôi thu được kết quả (xem bảng 1).

Bảng 1 cho thấy, đánh giá chung NL nhận thức về công tác thông tin khoa học của CB Viện Thông tin chưa cao (ĐTB = 2,14), đồng thời các biểu hiện nhận thức chưa có sự thống nhất chặt chẽ. Các ý kiến trả lời khá tập trung vào NL nhận thức về nhu cầu khai thác

\* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

**Bảng 1. NL nhận thức về công tác thông tin khoa học**

STT	Các biểu hiện nhận thức	Đối tượng điều tra					
		GV, CB các Viện		CB Viện thông tin		Chung	
		Điểm trung bình (ĐTB)	Độ lệch chuẩn (ĐLC)	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Nắm được nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin của người dùng tin	2,15	0,36	2,24	0,43	2,20	0,40
2	Nắm được lĩnh vực thông tin mà người dùng tin cần khai thác	2,12	0,32	2,37	0,49	2,25	0,41
3	Hiểu biết những khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin của người dùng tin	2,04	0,48	2,18	0,39	2,11	0,44
4	Am hiểu về việc cung cấp, giới thiệu các thông tin mà người dùng tin có nhu cầu sử dụng	1,92	0,48	2,11	0,31	2,02	0,40
Toàn thang đo (ĐTB thấp nhất = 1,58; ĐTB cao nhất = 2,62)		2,06	0,41	2,23	0,41	2,14	0,41

và sử dụng thông tin của người dùng tin ở nội dung 1 và 2 với kết quả trội hơn trong số 4 nội dung. Ngược lại, nhận thức về những khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin của người dùng tin, về cung cấp, giới thiệu các thông tin mà người dùng tin có nhu cầu sử dụng ở nội dung 3 và 4 chưa thể hiện rõ.

Như vậy, CB Viện Thông tin đánh giá trội hơn (ĐTB = 2,23) đánh giá của GV, CB các viện (ĐTB = 2,06) trên cả 4 biểu hiện, điều này phản ánh khả năng nhận thức công tác thông tin khoa học của CB Viện Thông tin chưa có sự tương đồng giữa các biểu hiện, nổi trội là biểu hiện nắm được nhu cầu, lĩnh vực thông tin và hạn chế ở việc cung cấp, giới thiệu thông tin mà người dùng tin có nhu cầu.

**2.2. Thái độ trong mối quan hệ với người dùng tin.** Với câu hỏi: “Thầy (cô), anh (chị) đánh giá (tự đánh giá) như thế nào về thái độ phục vụ của CB làm công tác thông tin khoa học ở Viện Thông tin - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh?”, chúng tôi thu được kết quả (xem *bảng 2*).

*Bảng 2* cho thấy, các biểu hiện thái độ làm công tác thông tin khoa học được đánh giá khá cao (ĐTB = 2,71), đồng thời kết quả đánh giá giữa các nội dung tương đối thống nhất (ĐTB = 2,44-2,87). Trong đó, biểu hiện 2 và 4 được đánh giá trội hơn (ĐTB lần lượt là 2,87 và 2,80). Các biểu hiện thái độ như tính trung thực, thẳng thắn, nghiêm túc thể hiện rất rõ. Bên cạnh đó, kết quả đánh giá các nội dung 1 và 3 đều rất cao, chứng tỏ thái độ phục vụ, sự tôn trọng ý kiến, yêu cầu của người khai thác, sử dụng các dịch vụ thông tin luôn được coi trọng.

**Bảng 2. Thái độ của CB làm công tác thông tin khoa học**

STT	Các biểu hiện thái độ	Đối tượng điều tra					
		GV, CB các Viện		CB Viện thông tin		Chung	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Thái độ tận tình với công việc, với người khai thác thông tin	2,48	0,50	3,00	0,00	2,74	0,25
2	Tôn trọng các ý kiến, yêu cầu của người khai thác, sử dụng các dịch vụ thông tin	2,73	0,45	3,00	0,00	2,87	0,23
3	Luôn có thái độ chủ động, tinh thần hợp tác và cầu thị ở đồng nghiệp, ở người khai thác thông tin	2,47	0,45	2,41	0,50	2,44	0,48
4	Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp (tính trung thực, thẳng thắn...)	2,60	0,50	3,00	0,00	2,80	0,25
Toàn thang đo (ĐTB thấp nhất = 2,21; ĐTB cao nhất = 2,95)		2,57	0,48	2,85	0,13	2,71	0,31

Kết quả cho thấy, CB Viện Thông tin đánh giá rất cao các biểu hiện 1, 2 và 4 (ĐTB = 3), trong khi GV, CB nghiên cứu đánh giá thấp hơn, nhưng đều ở mức khá và tốt (với ĐTB = 2,47 - 2,73). Điều này khẳng định tính tích cực, chủ động trong công việc của CB làm công tác thông tin khoa học ở Viện.

**2.3. Kỹ năng làm công tác thông tin khoa học.**

Với câu hỏi: “Thầy (cô), anh (chị) đánh giá (tự đánh giá) như thế nào về kỹ năng làm công tác thông tin khoa học của CB Viện Thông tin - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh?”, kết quả thu được như sau (xem *bảng 3*).

**Bảng 3. Kỹ năng làm công tác thông tin khoa học**

STT	Các biểu hiện kỹ năng	Đối tượng điều tra					
		GV, CB các Viện		CB Viện thông tin		Chung	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Kĩ năng giới thiệu, cung cấp các sản phẩm thông tin cho người dùng tin	2,06	0,61	2,37	0,49	2,22	0,55
2	Tinh chuyên nghiệp trong công việc	2,19	0,40	2,53	0,51	2,36	0,46
3	Kĩ năng giao tiếp công việc	2,31	0,47	2,42	0,50	2,37	0,49
4	Giải đáp thỏa đáng các thông tin mà người dùng tin yêu cầu	1,87	0,53	2,61	0,50	2,24	0,52
Toàn thang đo (ĐTB thấp nhất = 1,57; ĐTB cao nhất = 2,71)		2,11	0,50	2,48	0,50	2,30	0,50

Đánh giá chung kỹ năng làm công tác thông tin khoa học của CB Viện Thông tin ở mức khá (ĐTB = 2,30), trong đó, “kỹ năng giao tiếp công việc” được đánh giá trội hơn trong số 4 nội dung (ĐTB = 2,37). Ngược lại, biểu hiện 1 và 2 tuy ở mức khá nhưng thấp hơn trong số 4 nội dung được đưa ra, kết quả lần lượt là (ĐTB = 2,22 và 2,24). Do vậy, kỹ năng giới thiệu, cung cấp các sản phẩm thông tin và giải đáp các thông tin mà người dùng tin yêu cầu còn những hạn chế nhất định.

Số liệu điều tra cho thấy đánh giá của CB Viện Thông tin trội hơn hẳn (ĐTB = 2,48) với GV, CB nghiên cứu (ĐTB = 2,11). Kết quả đánh giá theo từng nội dung đều cho thấy, CB Viện Thông tin đánh giá cao hơn đánh giá của CB giảng dạy, CB nghiên cứu.

**2.4. Khả năng sử dụng hệ thống thông tin điện tử hiện đại.** Để tìm hiểu về vấn đề này, chúng tôi sử dụng câu hỏi: “Anh (chị) đánh giá như thế nào về khả năng sử dụng hệ thống thông tin điện tử của bản thân anh (chị) trong công việc?” kết quả thu được như sau (xem *bảng 4*).

*Bảng 4. Khả năng sử dụng hệ thống thông tin điện tử hiện đại*

STT	Biểu hiện	ĐTB	ĐLC	Thấp		Vừa phải		Tốt	
				SL	%	SL	%	SL	%
1	Thu thập tin, xác định nguồn tin, tìm tin một cách nhanh chóng trên internet	2,24	0,54	2	5,3	25	65,8	11	28,9
2	Lưu trữ, bảo quản tài liệu điện tử	2,68	0,47	0	0	12	31,6	26	68,4
3	Truy cập thông tin tới các nguồn tài liệu truyền thống và số hóa	2,24	0,43	0	0	29	76,3	9	23,7
4	Truyền bá, phổ biến thông tin bổ ích đúng đối tượng, đúng thời điểm	2,18	0,39	0	0	31	81,6	7	18,4
	Phân tích, lọc tin, đánh giá nguồn tài nguyên thông tin	2,11	0,31	0	0	34	89,5	4	10,5
	Liên kết, kết nối các nguồn tin, tài thông tin	2,24	0,43	0	0	29	76,3	9	23,7
	Toàn thang đo (ĐTB thấp nhất = 1,85; ĐTB cao nhất = 2,71)	2,28	0,43		0,9		70,2		28,9

Kết quả *bảng 4* cho thấy, khả năng sử dụng hệ thống thông tin điện tử hiện đại của CB Viện Thông tin ở mức khá (ĐTB = 2,28). Nổi trội là biểu hiện “lưu trữ, bảo quản tài liệu điện tử”, kết quả rất cao (ĐTB = 2,68), có tới 68,4% ý kiến đánh giá ở mức tốt; trái lại, biểu hiện “phân tích, lọc tin, đánh giá nguồn tài nguyên thông tin” có kết quả thấp nhất (ĐTB = 2,11), chỉ có 10,5% ý kiến đánh giá ở mức tốt. Đây cũng có thể là hạn chế về khả năng sử dụng hệ thống thông tin điện tử hiện đại của CB Viện Thông tin.

### 3. Một số kiến nghị

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực trạng năng lực làm công tác thông tin khoa học của CB Viện Thông tin - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, chúng tôi có một số kiến nghị sau đây:

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh sớm hoàn thiện thư viện điện tử và đưa vào hoạt động,

đồng thời tạo điều kiện cho CB Viện Thông tin được tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học cùng với các viện chuyên ngành để CB Viện nâng cao trình độ chuyên môn và nâng cao năng lực làm công tác thông tin khoa học.

- Cơ quan Viện Thông tin nói riêng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh nói chung cần tổ chức tập huấn về kĩ năng, nghiệp vụ chuyên môn và cử CB tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, nghiên cứu thực tế cho CB của Viện cũng như các CB làm công tác thông tin trong các trường đại học, các viện nghiên cứu để nâng cao kĩ năng sử dụng hệ thống thông tin điện tử hiện đại phục vụ tốt hơn cho công việc.

- CB Viện Thông tin cần chủ động nâng cao nhận thức về công tác thông tin khoa học, nắm được nhu cầu, một số khó khăn cơ bản trong việc tìm kiếm thông tin của người dùng tin; chủ động thể hiện thái độ hợp tác với đồng nghiệp, với độc giả trong công việc hơn nữa; tích cực học hỏi về chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao kĩ năng giới thiệu, cung cấp các sản phẩm thông tin cho người dùng tin cũng như kĩ năng giải đáp các thông tin mà người dùng tin có nhu cầu, chủ động tìm hiểu, tự học hỏi, nghiên cứu nhằm nâng cao khả năng sử dụng hệ thống thông tin điện tử hiện đại.

\*\*\*

Để nâng cao hiệu quả trong công tác, bên cạnh những kết quả đã đạt được trong thời gian qua, CB Viện Thông tin cần chú trọng hơn đến cả 4 mặt trong NL làm công tác thông tin khoa học, trong đó cần chú ý rèn kĩ năng sử dụng hệ thống thông tin điện tử hiện đại. Bản thân mỗi CB cần chủ động nâng cao nhận thức, thái độ, trau dồi kĩ năng làm việc, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu dùng tin cho bạn đọc trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Phê (chủ biên) (2008). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- [2] Nguyễn Quang Uẩn (2010). *Tâm lí học đại cương*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Trần Thị Minh Nguyệt (2009). *Đào tạo cán bộ thông tin thư viện trước ngưỡng cửa tương lai* (Kĩ yếu hội thảo Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội), tr 269-277.
- [4] Viện Thông tin khoa học (2016). *Viện Thông tin khoa học 55 năm xây dựng và phát triển*. NXB Lí luận Chính trị.
- [5] Nguyễn Thị Hạnh (2011). *Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ thông tin - thư viện ở Việt Nam*. Tạp chí Thư viện Việt Nam, số 3/2011 tr 20-24.